

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2025/DS-ST

Ngày: 26-4-2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Đang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Cảnh

2. Ông Phạm Quốc Toàn

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Bình Nguyên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 26 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 99/2025/QĐST – DS ngày 11/4/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lê Duy K**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp Tân Thị Đình, xã T, huyện G, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Ông **Phạm Văn A**, sinh năm 1968.

Bà **Huỳnh Thị L**, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: ấp Giồng Chùa, xã T, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa, ông K, ông A, bà L vắng mặt (ông K có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Lê Duy K trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 07/04/2023, ông có cho vợ chồng bà Huỳnh Thị L, ông Phạm Văn A vay số tiền là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng; ngày 18/04/2024 (nhằm ngày 10/03/2024 âm lịch) ông tiếp tục cho vợ chồng ông A, bà L vay thêm số tiền là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Tổng cộng vợ chồng ông A, bà L vay của ông số tiền 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng. Hai bên không thoả thuận thời gian trả tiền nhưng khi nào ông cần lấy lại tiền sẽ nói trước 01 tháng để ông A và bà L sắp xếp để trả tiền đã vay lại cho ông. Hai bên không thoả thuận lãi suất.

Đến khi có nhu cầu lấy lại tiền thì ông có liên hệ ông A, bà L để yêu cầu ông, bà trả cho ông số tiền đã vay nhưng ông A, bà L không thực hiện. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu ông A, bà L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền vốn vay là 90.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ông K trình bày: sau khi Toà án thụ lý vụ án thì phía ông A, bà L có trả cho ông được số tiền 20.000.000 đồng nên ông thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông yêu cầu ông A, bà L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền vốn vay là 70.000.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi.

- *Tại biên bản ghi nhận ý kiến của đương sự ngày 18/3/2025 bị đơn ông Phạm Văn A trình bày:*

Vào tháng 4/2023 và tháng 3/2024 vợ chồng ông có mượn của ông Lê Duy K tổng số tiền 90.000.000 đồng. Giấy mượn tiền ngày 07/4/2023 có chữ ký và chữ viết họ tên của bà Huỳnh Thị L là vợ ông; Giấy mượn tiền ngày 10/3/2024 âm lịch có chữ ký và chữ viết họ tên của ông. Mục đích vợ chồng ông mượn tiền là để trả tiền nợ thức ăn cho người khác. Đối với số nợ này thì vợ ông là bà L đã trả được số tiền 20.000.000 đồng chỉ còn nợ lại 70.000.000 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông K thì vợ chồng ông đồng ý trả cho ông K số tiền 70.000.000 đồng và trả trong thời hạn 01 tháng trở lại.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử vụ án nhưng bà L đều vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* ông Lê Duy K là nguyên đơn trong vụ án vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Phạm Văn A, bà Huỳnh Thị L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông K, ông A, bà L.

[2]. *Về nội dung vụ án:*

[2.1]. Ông K cho rằng do có quan hệ quen biết với nhau nên giữa ông và ông Phạm Văn A, bà Huỳnh Thị L có thỏa thuận giao dịch với nhau về việc vay tài sản. Cụ thể, ngày 07/04/2023, ông có cho vợ chồng ông A, bà L vay số tiền là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng; ngày 18/04/2024 (nhằm ngày 10/03/2024 âm lịch) ông tiếp tục cho vợ chồng ông A, bà L vay thêm số tiền là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, tổng cộng 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng. Do vợ chồng ông A không thực hiện việc trả tiền cho ông nên ông khởi kiện yêu cầu ông A, bà L trả cho ông số tiền vốn vay là 90.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi khởi kiện vợ chồng ông A đã trả cho ông được 20.000.000 đồng, còn nợ lại 70.000.000 đồng nên ông yêu cầu ông A, bà L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền 70.000.000 đồng.

Căn cứ nguyên đơn khởi kiện là: Giấy mượn tiền đề ngày 7/4/2023 và Giấy mượn tiền đề ngày 10/3/2024 âm lịch.

Bị đơn ông A cũng thừa nhận vợ chồng ông có vay của ông K 02 lần với số tiền 90.000.000 đồng như lời ông K trình bày. Hai giấy mượn tiền ông K cung cấp làm căn cứ khởi kiện thì ông và bà L có ký tên người mượn tiền. Vợ chồng ông đã trả cho ông K được 20.000.000 đồng còn nợ lại 70.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này.

Căn cứ theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự, việc vay tiền giữa ông K và ông A, bà L là hợp đồng vay tài sản, có sự ràng buộc nghĩa vụ giữa các bên. Phía ông A, bà L đã nhận đủ số tiền vay của ông K, có ký tên xác nhận nợ nhưng ông A, bà L không thực hiện việc trả nợ theo yêu cầu của ông K. Xét thấy, ông A, bà L đã vi phạm hợp đồng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông K nên ông K có yêu cầu ông A, bà L có nghĩa vụ trả cho ông K số tiền vốn vay còn nợ lại là 70.000.000 đồng hoàn toàn phù hợp, có căn cứ được chấp nhận.

[2.2]. *Về lãi suất*: Ông K không yêu cầu tính lãi nên ghi nhận.

Từ những phân tích trên, buộc ông Phạm Văn A, bà Huỳnh Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Duy K số tiền vốn vay là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng.

[2.3]. *Về án phí*:

Do yêu cầu của ông K được chấp nhận nên ông A, bà L phải chịu án phí là 3.500.000 đồng.

Ông K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên ông K được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Duy K đối với bị đơn là ông Phạm Văn A, bà Huỳnh Thị L về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc ông Phạm Văn A, bà Huỳnh Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Duy K số tiền vốn vay là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng.

3. Ghi nhận việc ông Lê Duy K không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Ông Phạm Văn A, bà Huỳnh Thị L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng và còn phải nộp đủ số tiền này.

Ông Lê Duy K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn lại cho ông Lê Duy K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.250.000 (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai số 0007637 ngày 09/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án này đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Đang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Diệu

Lê Phú Chánh Thể

Lê Thị Hồng Đang

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Đang

